

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 437/2023/DS-ST

Ngày: 26-9-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản; Hợp đồng góp
hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Bé Ba**

Ông **Lê Anh Chiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Mỹ Xuyên**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
không tham gia.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp Bình L, xã Thanh B, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

+ Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: 280/1 ấp Hội G, xã Mỹ Ph, thành phố Mỹ Th, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Phùng Văn D**, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Bà **Tô Thị Th**, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bình L, xã Thanh B, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Năm 2018 bà T có cho ông Phùng Văn D vay 330.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay khi nào cần thì báo trước 01 tháng, ông D có làm biên nhận nợ vào ngày 26/8/2020. Từ khi vay đến ngày 26/8/2020 bị đơn trả lãi đầy

đủ, chưa trả vốn. Ngày 26/8/2020 ông D làm biên nhận và hẹn cuối năm 2020 trả đủ số tiền vốn và lãi, tuy nhiên ông D không thực hiện.

Ngoài ra, bà T có tham gia nhiều dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, 5.000.000 đồng do ông D làm chủ hụi. Khi mãn hụi, bà T hốt nhưng ông D không có tiền giao, nên có làm biên nhận ngày 26/8/2020 (tức ngày 08/7/2020 AL) để chốt lại số nợ hụi là 322.980.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả:

Tiền vốn vay 330.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 1,666%/tháng, tính từ ngày 26/8/2020 đến ngày xét xử.

Tiền nợ hụi 322.980.000 đồng

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Ngọc D rút một phần yêu cầu khởi kiện. Không yêu cầu bà Tô Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Phùng Văn D trả số nợ vay, hụi. Yêu cầu ông Phùng Văn D phải trả tiền vốn vay 330.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 1,666%/tháng, tính từ ngày 26/8/2020 đến ngày xét xử và tiền nợ hụi 322.980.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Xét quan hệ pháp luật giữa các bên thuộc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Không yêu cầu bà Tô Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Phùng Văn D trả số nợ vay, hụi. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3] Bị đơn ông Phùng Văn D vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập (tổng đạt) hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ông Phùng Văn D phải trả số tiền vốn vay 330.000.000 đồng và tiền nợ hụi 322.980.000 đồng trên cơ sở 02 biên nhận ngày 26/8/2020 (08/7/2020 AL) mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Xét thấy từ khi nguyên đơn khởi kiện đến khi vụ án được đưa ra xét xử bị đơn ông Phùng Văn D được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông D

không đến Tòa án theo giấy triệu tập để làm rõ nội dung vụ kiện, không cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào nội dung 02 biên nhận mà bị đơn có viết và ký tên vào biên nhận xác định số tiền nợ vay 330.000.000 đồng và nợ hui 322.980.000 đồng, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1,666%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tiền lãi được tính từ ngày 26/8/2020 đến 26/9/2023 như sau:

$330.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\% \times 37 \text{ tháng} = 203.418.600 \text{ đồng}.$

Từ các phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cần buộc ông Phùng Văn D phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tổng số tiền 856.398.600 đồng (nợ vay 533.418.600 đồng (vốn 330.000.000 đồng, lãi 203.418.600 đồng) và nợ hui 322.980.000 đồng).

[5] Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc ông Phùng Văn D phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tổng số tiền 856.398.600 đồng (nợ vay 533.418.600 đồng (vốn 330.000.000 đồng, lãi 203.418.600 đồng) và nợ hui 322.980.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Phùng Văn D phải chịu 37.692.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thanh Phương